

Số: 25/TB-HĐBT

Hoàng Mai, ngày 11 tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO

Niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân ảnh hưởng dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai 2

Căn cứ điểm a, khoản 3, Điều 87 Luật Đất đai năm 2024 và điểm b, khoản 9, Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II thông báo:

- Niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ gia đình, cá nhân ảnh hưởng dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II: (Có phương án chi tiết kèm theo)
- Thời gian niêm yết 10 ngày: Bắt đầu từ ngày **11/8÷20/8/2026**.
- Địa điểm niêm yết: Tại trụ sở UBND phường Hoàng Mai, địa chỉ: khối 9, phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

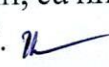
- Nhà văn hóa khối 13, phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

- Cổng thông tin điện tử phường Hoàng Mai tại địa chỉ: <https://hoangmai.nghean.gov.vn/>

4. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II thông báo đến các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được biết và có ý kiến đóng góp xin liên hệ đến UBND phường Hoàng Mai (qua Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị) hoặc Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II, để được hướng dẫn, xem xét giải quyết; thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần (trong giờ hành chính).

Trong thời gian niêm yết, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án sẽ phối hợp với các cơ quan liên quan, tổng hợp ý kiến của các hộ gia đình, cá nhân (nếu có) để gửi đến cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết. Hết thời gian niêm yết nêu trên, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án sẽ phối hợp các cơ quan có liên quan thực hiện các trình tự, thủ tục các bước tiếp theo theo quy định của pháp luật.

5. Ban biên tập Cổng thông tin điện tử phường có trách nhiệm đăng tải Thông báo này trên cổng thông tin điện tử của phường.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II đề nghị Trưởng khối 13 và các hộ gia đình, cá nhân có tên trong Phương án niêm yết công khai được biết, phối hợp thực hiện./. 

Nơi nhận:

- UBND phường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND phường (b/c);
- Các phòng: KT, HT và ĐT, VHXXH
- Trưởng khối 13;
- Lưu: HĐBT.

TM. HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Xuân Lượng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Do thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II

(Hội đồng BT, HT & TĐC thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND phường Hoàng Mai)

Hôm nay, ngày 25 tháng 7 năm 2026.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất thu hồi cho:

Chủ sử dụng: Ông Nguyễn Viết Hoan và bà Nguyễn Thị Hương

Nhân khẩu:

Địa chỉ: Khối 3, phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

- | | |
|--------------------------|--|
| 1 Bà: Nguyễn Thị Mai | Phó Chủ tịch UBND phường, Chủ tịch hội đồng; |
| 2 Ông: Hồ Thái Bình | Phó trưởng phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 3 Ông: Lê Đăng Hiệp | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 4 Bà: Phan Thị Ngọc Thuỳ | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 5 Ông: Nguyễn Trọng Tài | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 6 Ông: Nguyễn Hoàng Sơn | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 7 Ông: Nguyễn Đức Đô | Đại diện Công ty CP Hoàng Thịnh Đạt, Thành viên; |
| 8 Bà Hoàng Thị Hà | CB Hội đồng BT, HT&TĐC. |

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An, Quy định Bảng giá đất các phường, xã trên bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 589/UBND-NN ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 561/SNNMT-KHTC ngày 15/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 175/KTHTĐT ngày 6/03/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hoàng Mai về việc cung cấp phương án giá đất để thực hiện lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 15/04/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 4510/UBND-NN ngày 28/4/2026 của UBND tỉnh nghệ An về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ Công văn số 4550/SNNMT-QLĐĐ ngày 22/4/2026 của của Sở Nông nghiệp và Môi trường, về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ Công văn số 756/UBND-NN, ngày 7/5/2026, của UBND phường Hoàng Mai về việc áp dụng chính sách hỗ trợ khác giải phóng mặt bằng dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ Công văn số 6702/UBND-NN ngày 09/6/2026 của UBND tỉnh nghệ An về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II (hỗ trợ khác vượt hạn mức);

Căn cứ Công văn số 6895/SNNMT-QLĐĐ ngày 08/6/2026 của của Sở Nông nghiệp và Môi trường, về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II (hỗ trợ khác vượt hạn mức);

Căn cứ Công văn số 1066/UBND-NN, ngày 15/6/2026, của UBND phường Hoàng Mai về việc áp dụng chính sách hỗ trợ khác (vượt hạn mức) giải phóng mặt bằng dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ báo cáo số 3285/BC-STC ngày 04/5/2026 của Sở Tài chính về việc báo cáo giá thị trường tháng 4/2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ các Công văn của Chi cục Thống kê thị xã Hoàng Mai: số 134/TK-NN ngày 15/11/2024, số 09/TK-NN ngày 12/02/2025;

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng và các chế độ chính sách bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất như sau:

I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m ²)	Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền (đ)
1	Đất trồng cây hằng năm (BHK) BĐĐC 13, Trích đo số 241/2024	25	5.665,0	73.000	413.545.000
	Tổng cộng		5.665,0		413.545.000

II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

A	Vật kiến trúc						60.144.000	
TT	Tên hạng mục			Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)	
1	Ông nhựa PVC phi 49cm			md	112,0	43.000	4.816.000	
1	Ông nhựa PVC phi 34cm			md	63,3	43.000	2.721.000	
2	Giếng khoan đất cấp 3			md	85,0	317.000	26.945.000	
3	ống nhựa màu đen HDPE			md	987,0	26.000	25.662.000	
B	Cây cối, hoa màu (I+II)						76.110.000	
STT	Loại cây	Năng suất	Diện tích trồng (m2)	Khối lượng	ĐV tính	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1	Dứa lưu gốc			300	m2	50%	3.000	450.000
3	Nhãn 2,5cm<đk<4cm			227	cây	100%	200.000	45.400.000
4	Nhãn 2,5cm<đk<4cm			227	cây	50%	200.000	22.700.000
	Nhãn 2,5cm<đk<4cm			126	cây	30%	200.000	7.560.000
C	Vật nuôi							

III. TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

TT	Hạng mục	Số lượng, diện tích	Số tiền (đ)
A	ĐẤT ĐAI		413.545.000
B	TÀI SẢN TRÊN ĐẤT		
1	Nhà cửa, vật kiến trúc		60.144.000
2	Cây cối, hoa màu		76.110.000
3	Vật nuôi		0
	Tổng cộng:		549.799.000

IV. PHẦN HỖ TRỢ:

840.590.000

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:

5.665,0 m² x 73.000 x 2 = 827.090.000

2. Hỗ trợ ổn định đời sống

(Tỷ lệ thu hồi: 64,70 %)

5 khẩu x 6 tháng x 30 kg x 15.000 đồng = 13.500.000

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ:

1.390.389.000

Bằng chữ: Một tỷ, ba trăm chín mươi triệu, ba trăm tám mươi chín ngàn đồng chẵn

V. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:

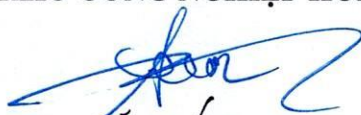
.....
.....

ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP HOÀNG MAI II



Nguyễn Hoàng Sơn
Chuyên viên
phòng KT, HT & ĐT



Nguyễn Đức Đô
Đại diện Chủ đầu tư



Hoàng Thị Hà
Cán bộ HD GPMB



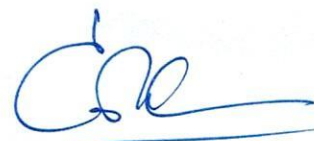
Lê Đăng Hiệp
Chuyên viên phòng KT,
HT & ĐT



Phan Thị Ngọc
Thuý
Chuyên viên phòng
KT, HT & ĐT



Nguyễn Trọng Tài
Chuyên viên phòng
KT, HT & ĐT



Hồ Thái Bình
Phó Trưởng phòng
KT, HT & ĐT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC



Nguyễn Thị Mai
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Do thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II

(Hội đồng BT, HT & TĐC thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND phường Hoàng Mai)

Hôm nay, ngày 25 tháng 7 năm 2026.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất thu hồi cho:

Chủ sử dụng: Bà Nguyễn Thị Tươi và ông Nguyễn Việt Hợi (đã chết)

Nhân khẩu:

Địa chỉ: Khôi 12, phường Hoàng Mai, Nghệ An.

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

- | | |
|--------------------------|--|
| 1 Bà: Nguyễn Thị Mai | Phó Chủ tịch UBND phường, Chủ tịch hội đồng; |
| 2 Ông: Hồ Thái Bình | Phó Trưởng phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 3 Ông: Lê Đăng Hiệp | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 4 Bà: Phan Thị Ngọc Thuý | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 5 Ông: Nguyễn Trọng Tài | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 6 Ông: Nguyễn Hoàng Sơn | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 7 Ông: Nguyễn Đức Đô | Đại diện Công ty CP Hoàng Thịnh Đạt, Thành viên; |
| 8 Bà Hoàng Thị Hà | CB Hội đồng BT, HT&TĐC. |

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An, Quy định Bảng giá đất các phường, xã trên bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 589/UBND-NN ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 561/SNNMT-KHTC ngày 15/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 175/KTHTĐT ngày 6/03/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hoàng Mai về việc cung cấp phương án giá đất để thực hiện lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 15/04/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 4510/UBND-NN ngày 28/4/2026 của UBND tỉnh nghệ An về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ Công văn số 4550/SNNMT-QLĐĐ ngày 22/4/2026 của của Sở Nông nghiệp và Môi trường, về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ Công văn số 756/UBND-NN, ngày 7/5/2026, của UBND phường Hoàng Mai về việc áp dụng chính sách hỗ trợ khác giải phóng mặt bằng dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ Công văn số 6702/UBND-NN ngày 09/6/2026 của UBND tỉnh nghệ An về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II (hỗ trợ khác vượt hạn mức);

Căn cứ Công văn số 6895/SNNMT-QLĐĐ ngày 08/6/2026 của của Sở Nông nghiệp và Môi trường, về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II (hỗ trợ khác vượt hạn mức);

Căn cứ Công văn số 1066/UBND-NN, ngày 15/6/2026, của UBND phường Hoàng Mai về việc áp dụng chính sách hỗ trợ khác (vượt hạn mức) giải phóng mặt bằng dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ báo cáo số 3285/BC-STC ngày 04/5/2026 của Sở Tài chính về việc báo cáo giá thị trường tháng 4/2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ các Công văn của Chi cục Thống kê thị xã Hoàng Mai: số 134/TK-NN ngày 15/11/2024, số 09/TK-NN ngày 12/02/2025;

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng và các chế độ chính sách bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất như sau:

I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m ²)	Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền (đ)
1	Đất rừng sản xuất (RSX) BĐĐC 1, Trích đo số 241/2024	488	6.696,0	7.500	50.220.000
	Tổng cộng		6.696,0		

II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

A Vật kiến trúc								
TT	Tên hạng mục			Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)	
B	Cây cối, hoa màu (I+II)						209.696.000	
STT	Loại cây	Năng suất	Diện tích trồng (m2)	Khối lượng	ĐV tính	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đ)
	Thửa 488							
1	Nhãn 2,5cm<đk<4cm	400	6.696	268	cây	100%	200.000	53.600.000
2	Nhãn 2,5cm<đk<4cm			268	cây	50%	200.000	26.800.000
3	Nhãn 2,5cm<đk<4cm			74	cây	30%	200.000	4.440.000
4	Mít TH			351	cây	30%	600.000	63.180.000
8	Dứa Queen	32858	0,536	17622	kg	50%	7.000	61.676.000
C	Vật nuôi							

III. TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

TT	Hạng mục	Số lượng, diện tích	Số tiền (đ)
A	ĐẤT ĐAI		50.220.000
B	TÀI SẢN TRÊN ĐẤT		
1	Nhà cửa, vật kiến trúc		0
2	Cây cối, hoa màu		209.696.000

3	Vật nuôi		0
	Tổng cộng:		259.916.000

IV. PHẦN HỖ TRỢ:

119.340.000

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:

$$6.696,0 \text{ m}^2 \times 7.500 \times 2 = 100.440.000$$

2. Hỗ trợ ổn định đời sống (Tỷ lệ thu hồi: 67,50 %)

$$7 \text{ khẩu} \times 6 \text{ tháng} \times 30 \text{ kg} \times 15.000 \text{ đồng} = 18.900.000$$

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 379.256.000

Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi chín triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng

V. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:

.....

ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP HOÀNG MAI II



Nguyễn Hoàng Sơn
 Chuyên viên
 phòng KT, HT & ĐT



Nguyễn Đức Đỗ
 Đại diện Chủ đầu tư



Hoàng Thị Hà
 Cán bộ HĐ GPMB



Lê Đăng Hiệp
 Chuyên viên phòng KT,
 HT & ĐT



Phan Thị Ngọc Thuỳ
 Chuyên viên phòng
 KT, HT & ĐT



Nguyễn Trọng Tài
 Chuyên viên phòng
 KT, HT & ĐT



Hồ Thái Bình
 Phó Trưởng phòng
 KT, HT & ĐT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC



Nguyễn Thị Mai
 PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Do thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II

(Hội đồng BT, HT & TĐC thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND phường Hoàng Mai)

Hôm nay, ngày 24 tháng 5 năm 2026.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất thu hồi cho:

Chủ sử dụng: Ông Lê Đăng Võ và bà Trịnh Thị Hường

Nhân khẩu:

Địa chỉ: Khối 11, phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

bn bn bn THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

- | | |
|-----------------------------|--|
| 1 Bà: Nguyễn Thị Mai | Phó Chủ tịch UBND phường, Chủ tịch hội đồng; |
| 2 Ông: Hồ Thái Bình | Phó trưởng phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 3 Ông: Lê Đăng Hiệp | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 4 Bà: Phan Thị Ngọc Thuý | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 5 Ông: Nguyễn Trọng Tài | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 6 Ông: Nguyễn Hoàng Sơn | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 7 Bà: Trịnh Thị Thanh Huyền | TGD Công ty CP Hoàng Thịnh Đạt, Thành viên; |
| 8 Bà Hoàng Thị Hà | CB Hội đồng BT, HT&TĐC. |

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An, Quy định Bảng giá đất các phường, xã trên bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 589/UBND-NN ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 561/SNNMT-KHTC ngày 15/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 37/KTHTĐT ngày 18/01/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hoàng Mai về việc cung cấp phương án giá đất để thực hiện lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 15/04/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 4510/UBND-NN ngày 28/4/2026 của UBND tỉnh nghệ An về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ Công văn số 4550/SNNMT-QLĐĐ ngày 22/4/2026 của của Sở Nông nghiệp và Môi trường, về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ Công văn số 756/UBND-NN, ngày 7/5/2026, của UBND phường Hoàng Mai về việc áp dụng chính sách hỗ trợ khác giải phóng mặt bằng dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ Công văn số 6702/UBND-NN ngày 09/6/2026 của UBND tỉnh nghệ An về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II (hỗ trợ khác vượt hạn mức);

Căn cứ Công văn số 6895/SNNMT-QLĐĐ ngày 08/6/2026 của của Sở Nông nghiệp và Môi trường, về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II (hỗ trợ khác vượt hạn mức);

Căn cứ Công văn số 1066/UBND-NN, ngày 15/6/2026, của UBND phường Hoàng Mai về việc áp dụng chính sách hỗ trợ khác (vượt hạn mức) giải phóng mặt bằng dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ báo cáo số 3285/BC-STC ngày 04/5/2026 của Sở Tài chính về việc báo cáo giá thị trường tháng 4/2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ các Công văn của Chi cục Thống kê thị xã Hoàng Mai: số 134/TK-NN ngày 15/11/2024, số 09/TK-NN ngày 12/02/2025;

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng và các chế độ chính sách bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất như sau:

I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m ²)	Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền (đ)
1	Đất trồng cây lâu năm (CLN) BĐĐC 14, Trích đo số 241/2024	106	11.803,3		0
Đã có Quyết định phê duyệt tại QĐ số 883/QĐ ngày 23/5/2025, của UBND thị xã Hoàng Mai					
	Cộng:				

II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

TT	Tên hạng mục	ĐV tính	Khối lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
A	Vật kiến trúc				0
B	Cây cối, hoa màu				
Đã có Quyết định phê duyệt tại QĐ số 883/QĐ ngày 23/5/2025, của UBND thị xã Hoàng Mai					
C	Vật nuôi				

III. TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

TT	Hạng mục	Số lượng, diện tích	Số tiền (đ)
A	ĐẤT ĐAI		
B	TÀI SẢN TRÊN ĐẤT		
1	Nhà cửa, vật kiến trúc		
2	Cây cối, hoa màu		
3	Vật nuôi		
	Tổng cộng:		

93.071.000

IV. PHẦN HỖ TRỢ:

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:
2. Hỗ trợ ổn định đời sống
- (Tỷ lệ thu hồi: %)

Hỗ trợ khác đối với tài sản xây dựng trên đất nông nghiệp: 50% mức bồi thường theo giá
 3 trị hiện hành (theo Công văn số 756/UBND ngày 7/05/2026 của UBND phường Hoàng Mai) 93.071.000

TT	Tên hạng mục	Hệ số	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1	Bờ rào cột gỗ dây thép gai 3 sợi, dài 310 (khoảng cách giữa các cột 2.3m)	50%	md	310	82.000	12.710.000
2	Bể xây gạch táp lô k có nắp đáy BTCT $V=(15,5*5,5*1,7m)$	50%	m3	144,9	1.401.000	101.520.000
a	Khấu trừ nắp đáy dày 10cm $S=(15,5*5,5*1,7cm)$	50%	m3	144,9	292.000	-21.159.000

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ:

93.071.000

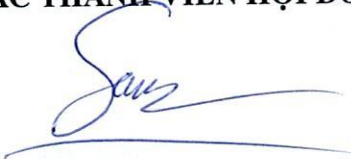
Bằng chữ: *Chín mươi ba triệu không trăm bảy mươi một nghìn đồng*

V. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:

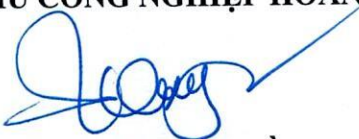
.....

ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN
 KHU CÔNG NGHIỆP HOÀNG MAI II**



Nguyễn Hoàng Sơn
 Chuyên viên
 phòng KT, HT & ĐT



Trịnh Thị Thanh Huyền
 Đại diện Chủ đầu tư



Hoàng Thị Hà
 Cán bộ HĐ GPMB



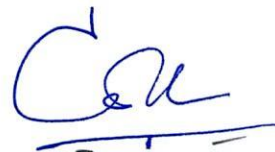
Lê Đăng Hiệp
 Chuyên viên phòng KT,
 HT & ĐT



**Phan Thị Ngọc
 Thủy**
 Chuyên viên phòng
 KT, HT & ĐT



Nguyễn Trọng Tài
 Chuyên viên phòng
 KT, HT & ĐT



Hồ Thái Bình
 P.Trưởng phòng
 KT, HT & ĐT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC



Nguyễn Thị Mai
 PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Do thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II

(Hội đồng BT, HT & TĐC thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND phường Hoàng Mai)

Hôm nay, ngày 24 tháng 8 năm 2026.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất thu hồi cho:

Chủ sử dụng: Ông Nguyễn Ngọc Long và bà Trần Thị Đào

Nhân khẩu:

Địa chỉ: Khối Quang Trung, phường Quỳnh Mai, tỉnh Nghệ An.

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

- | | |
|-----------------------------|--|
| 1 Bà: Nguyễn Thị Mai | Phó Chủ tịch UBND phường, Chủ tịch hội đồng; |
| 2 Ông: Hồ Thái Bình | Phó Trưởng phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 3 Ông: Lê Đăng Hiệp | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 4 Bà: Phan Thị Ngọc Thuý | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 5 Ông: Nguyễn Trọng Tài | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 6 Ông: Nguyễn Hoàng Sơn | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 7 Bà: Trịnh Thị Thanh Huyền | TGD Công ty CP Hoàng Thịnh Đạt, Thành viên; |
| 8 Bà Hoàng Thị Hà | CB Hội đồng BT, HT&TĐC. |

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An, Quy định Bảng giá đất các phường, xã trên bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 589/UBND-NN ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 561/SNNMT-KHTC ngày 15/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 175/KTHTĐT ngày 6/03/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hoàng Mai về việc cung cấp phương án giá đất để thực hiện lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 15/04/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 4510/UBND-NN ngày 28/4/2026 của UBND tỉnh nghệ An về việc xử lý vươngung mắc GPMB dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ Công văn số 4550/SNNMT-QLĐĐ ngày 22/4/2026 của của Sở Nông nghiệp và Môi trường, về việc xử lý vươngung mắc GPMB dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ Công văn số 756/UBND-NN, ngày 7/5/2026, của UBND phường Hoàng Mai về việc áp dụng chính sách hỗ trợ khác giải phóng mặt bằng dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ báo cáo số 3285/BC-STC ngày 04/5/2026 của Sở Tài chính về việc báo cáo giá thị trường tháng 4/2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ các Công văn của Chi cục Thống kê thị xã Hoàng Mai: số 134/TK-NN ngày 15/11/2024, số 09/TK-NN ngày 12/02/2025;

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng và các chế độ chính sách bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất như sau:

I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m ²)	Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền (đ)
1	Đất rừng sản xuất (RSX), BĐĐC 14, Trích đo số 241/2024	104	11834,3		
	Cộng:		11.834,3		0

II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

TT	Tên hạng mục				ĐV tính	Khối lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
A	Vật kiến trúc							0
B	Cây cối, hoa màu							
STT	Loại cây	Sản lượng (kg/m2)	Diện tích trồng (m2)	Khối lượng	ĐV tính	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đ)
C	Vật nuôi							

III. TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

TT	Hạng mục	Số lượng, diện tích	Số tiền (đ)
A	ĐẤT ĐAI		0
B	TÀI SẢN TRÊN ĐẤT		
1	Nhà cửa, vật kiến trúc		0
2	Cây cối, hoa màu		0
3	Vật nuôi		0
	Tổng cộng:		0

IV. PHÂN HỖ TRỢ:

49.300.700

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:

0

- Hỗ trợ khác đối với tài sản xây dựng trên đất nông nghiệp: 50% mức bồi thường theo
2. giá trị hiện hành (theo Công văn số 1066/UBND ngày 15/06/2026 của UBND phường Hoàng Mai) 49.300.700

TT	Tên hạng mục	Hệ số	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1	Giếng khoan đất cấp 3, sâu 70m, 2 cái	50%	ms	140	317.000	22.190.000
2	Giếng đào bằng ống cống, đk 1,2m, sâu 10m	50%	m2	10,0	1.341.000	6.705.000
3	Bờ rào thép gai bao quanh thửa 3 sọt, dài 630m	50%	md	630,0	82.000	20.405.700

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ:

49.300.700

Bằng chữ: Bốn mươi chín triệu, ba trăm ngàn, bảy trăm đồng chẵn

V. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:

ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP HOÀNG MAI II



Nguyễn Hoàng Sơn
Chuyên viên phòng
KT, HT & ĐT



Trịnh Thị Thanh Huyền
Đại diện Chủ đầu tư



Hoàng Thị Hà
Cán bộ HD GPMB



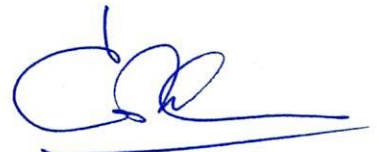
Lê Đăng Hiệp
Chuyên viên phòng KT,
HT & ĐT



Phan Thị Ngọc
Thuý
Chuyên viên phòng
KT, HT & ĐT



Nguyễn Trọng Tài
Chuyên viên phòng
KT, HT & ĐT



Hồ Thái Bình
Phó Trưởng phòng
KT, HT & ĐT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC



Nguyễn Thị Mai
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Do thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II

(Hội đồng BT, HT & TĐC thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND phường Hoàng Mai)

Hôm nay, ngày 14 tháng 7 năm 2026.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất thu hồi cho:

Chủ sử dụng: Ông Trần Hùng và bà Phạm Thị Thi

Nhân khẩu:

Địa chỉ: Khối 3, phường Hoàng Mai, Nghệ An.

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

- | | |
|--------------------------|--|
| 1 Bà: Nguyễn Thị Mai | Phó Chủ tịch UBND phường, Chủ tịch hội đồng; |
| 2 Ông: Hồ Thái Bình | Phó Trưởng phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 3 Ông: Lê Đăng Hiệp | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 4 Bà: Phan Thị Ngọc Thuý | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 5 Ông: Nguyễn Trọng Tài | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 6 Ông: Nguyễn Hoàng Sơn | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 7 Ông: Nguyễn Đức Đô | Đại diện Công ty CP Hoàng Thịnh Đạt, Thành viên; |
| 8 Bà Hoàng Thị Hà | CB Hội đồng BT, HT&TĐC. |

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An, Quy định Bảng giá đất các phường, xã trên bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 589/UBND-NN ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 561/SNNMT-KHTC ngày 15/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 37/KTHTĐT ngày 18/01/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hoàng Mai về việc cung cấp phương án giá đất để thực hiện lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 15/04/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 4510/UBND-NN ngày 28/4/2026 của UBND tỉnh nghệ An về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ Công văn số 4550/SNNMT-QLĐĐ ngày 22/4/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường, về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ Công văn số 6702/UBND-NN ngày 09/6/2026 của UBND tỉnh nghệ An về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II (hỗ trợ khác và an ninh mức);

Căn cứ Công văn số 6895/SNNMT-QLDD ngày 08/6/2026 của của Sở Nông nghiệp và Môi trường, về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II (hỗ trợ khác vượt hạn mức);

Căn cứ Công văn số 1066/UBND-NN, ngày 15/6/2026, của UBND phường Hoàng Mai về việc áp dụng chính sách hỗ trợ khác (vượt hạn mức) giải phóng mặt bằng dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ các Công văn của Chi cục Thống kê thị xã Hoàng Mai: số 134/TK-NN ngày 15/11/2024, số 09/TK-NN ngày 12/02/2025;

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng và các chế độ chính sách bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất như sau:

I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m ²)	Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền (đ)
1	Đất trồng cây hằng năm (BHK) BĐDC 14, Trích đo số 241/2024	1	22.555,7	73.000	1.646.566.000
2	Đất nuôi trồng thủy sản (NTS) BĐDC 14, Trích đo số 241/2024	4	497,0	73.000	36.281.000
3	Đất cây lâu năm (CLN) BĐDC 14, Trích đo số 241/2024	7	599,0	73.000	43.727.000
4	Đất rừng sản xuất (RSX) BĐDC 12, Trích đo số 48/2024	60	8.817,1	7.500	66.128.000
5	Đất rừng sản xuất (RSX) BĐDC 12, Trích đo số 48/2024	66	15.055,7	7.500	112.918.000
Tổng cộng			47.524,5		1.905.620.000
Phần diện tích vượt hạn mức giao đất nông nghiệp			3.052,7		

II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

A		Vật kiến trúc					131.411.000	
TT	Tên hạng mục			Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)	
1	Chuồng trại chăn nuôi, mái lợp ngói, tường xây gạch tấp lô, nền láng vữa S=(4,7*1,1m), h=1,8m, K=0,91, K=0,92			m2	5,2	1.495.000	6.471.000	
2	ống nước nhựa phi 50cm, dài 600m			md	600,0	43.000	25.800.000	
3	Giếng khoan đất cấp 3, sâu 70m			ms	70,0	317.000	22.190.000	
4	Nhà via 01 tầng via tầng đa, tường xây tấp lô, tường sơn, nền lát gạch men liên doanh, mái lợp ngói h=3,4m, S=(7,2*7m) (Nằm trong hạn mức theo QĐ 42): 0,1%*22.555,7 m2=22,5 m2			m2	22,5	3.420.000	76.950.000	
B		Cây cối, hoa màu (I+II)					2.203.922.000	
STT	Loại cây	Năng suất	Diện tích trồng (m2)	Khối lượng	ĐV tính	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đ)
I	Thửa 60							
1	Nhãn 2,5cm<đk <4cm	400	8.817,1	353	cây	100%	200.000	70.537.000

2	Nhân 2,5cm<đk <4cm (vượt 1 lần mật độ)			353	cây	50%	200.000	35.300.000
3	Nhân 2,5cm<đk <4cm			131	cây	30%	200.000	7.860.000
4	Nhân còn nhỏ đk <2,5cm			830	cây	30%	130.000	32.370.000
5	Keo trồng tập trung từ 5,5 năm tuổi			0,8817	ha	30%	60.000.000	15.871.000
6	Cau vua đk <5cm			952	cây	30%	50.000	14.280.000
II	Thửa 66							
1	Nhân 2,5cm<đk <4cm	400	15.056	602	cây	100%	200.000	120.446.000
2	Nhân 2,5cm<đk <4cm (vượt 1 lần mật độ)			602	cây	50%	200.000	60.200.000
3	Nhân 2,5cm<đk <4cm			187	cây	30%	200.000	7.293.000
4	Nhân còn nhỏ đk <2,5cm			1.390	cây	30%	130.000	54.210.000
5	Keo trồng tập trung từ 5,5 năm tuổi			1,4714	ha	30%	60.000.000	26.485.000
6	Cau vua còn nhỏ đk<5cm			1.589	cây	30%	50.000	23.835.000
	Thửa 7							
1	Cây cau vua đk 5-10 cm	500	599	30	cây	100%	102.000	3.060.000
2	Cây cau vua đk 5-10 cm			30	cây	50%	102.000	1.530.000
3	Cây cau vua đk 5-10 cm			168	cây	30%	102.000	5.141.000
	Thửa 1							
1	Cau vua 5 năm tuổi 10cm<đk<20cm			1.500	cây	30%	138.000	62.100.000
2	Cau vua 5cm<đk<10cm			12.500	cây	30%	102.000	382.500.000
3	Cam TH			200	cây	100%	800.000	160.000.000
4	Xoài 4,5cm<đk<6cm			1.100	cây	100%	300.000	330.000.000
5	Nhân 4cm<đk<5cm			109	cây	100%	270.000	29.430.000
6	Nhân 4cm<đk<5cm			825	cây	50%	270.000	111.375.000
7	Nhân 2,5cm<đk<4cm			584	cây	50%	200.000	58.400.000
8	Nhân 2,5cm<đk<4cm			3.754	cây	30%	200.000	225.240.000
9	Nhân đk <2,5cm			2.060	cây	30%	130.000	80.340.000
10	Cau vua 25cm<đk<30cm			31	cây	30%	251.000	2.334.000
11	Sưa 10cm<đk<20cm			4.500	cây	30%	130.000	175.500.000
12	Cam 2cm<đk<3cm			1.500	cây	30%	150.000	67.500.000

13	Keo đk 20cm			200	cây	30%	100.000	6.000.000
14	Xoài TH			5	cây	30%	600.000	900.000
15	Vải TH			12	cây	30%	500.000	1.800.000
16	Na xiêm TH			5	cây	30%	400.000	600.000
17	Cau ăn quả TH			2	cây	30%	250.000	150.000
18	Cau vua dọc đường 20cm<đk<25cm			150	cây	30%	213.000	9.585.000
19	Cây chôm chôm			130	cây	30%	500.000	19.500.000
20	Keo đk 30cm			20	cây	30%	300.000	1.800.000
21	Măng TH			2	bụi	30%	250.000	150.000
22	Cây Hoàng Nam 30cm<đk<40cm			2	cây	30%	500.000	300.000
C	Vật nuôi							7.952.000
23	Diện tích mặt nước nuôi cá truyền thống, chu kỳ nuôi 6 tháng, thời gian nuôi từ 3 tháng trở lên			497,0	m2	50%	32.000	7.952.000

III. TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

TT	Hạng mục	Số lượng, diện tích	Số tiền (đ)
A	ĐẤT ĐAI		1.905.620.000
B	TÀI SẢN TRÊN ĐẤT		
1	Nhà cửa, vật kiến trúc		131.411.000
2	Cây cối, hoa màu		2.203.922.000
3	Vật nuôi		7.952.000
	Tổng cộng:		4.248.905.000

IV. PHẦN HỖ TRỢ:

335.178.000

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:

2. Hỗ trợ ổn định đời sống (Tỷ lệ thu hồi: %)

3. Hỗ trợ khác đất nông nghiệp vượt hạn mức: 3.052,7 m² * 1 lần * 73.000 đồng 222.847.000

Hỗ trợ khác đối với tài sản xây dựng trên đất nông nghiệp: 50% mức bồi thường theo giá trị hiện hành (theo Công văn số 1066/UBND ngày 15/6/2026 của UBND phường Hoàng Mai), 112.331.000

TT	Tên hạng mục	Hệ số	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
	Các hạng mục xây dựng sau ngày 1/7/2014 trên thửa 60, thửa 66					
1	Cánh cổng khung ống nước lưới B40		m2	10,1		
2	Trụ cổng bê tông , tiết diện 0,4*0,4, dài 3,5 * 2 trụ		md	7,0		
3	Giếng khoan đất cấp 3, sâu 70m		ms	70,0		
4	Hàng rào cọc gỗ, giăng dây thép gai 3 sợi		md	872,2		

5	Ổng nhựa PVC phi 50		md	192,1		
	Thửa 7					
6	Bờ rào cọc gỗ chằng dây thép gai 02 sợi, dài 110m	50%	md	110,0	70.000	3.850.000
	Thửa 1					
7	Nhà via 01 tầng via tầng đa, tường xây táp lô, tường sơn, nền lát gạch men liên doanh, mái lợp ngói h=3,4m, S=(7,2*7m) (Nằm ngoài hạn mức theo QĐ 42)	50%	m2	27,9	3.420.000	47.709.000
8	Rui chông S=(6,3*3,5m)+(2,5*2,3)*2	50%	m2	33,6	450.000	7.549.000
9	Sân nền đá dăm dày 5cm S=(17*10cm)	50%	m2	170,0	77.000	6.545.000
10	Bể chứa nước có nắp đậy BTCT dày 10 cm V=(4,7*2,7*1,9m)	50%	m3	24,1	1.401.000	16.890.000
11	Nhà kho xây gạch táp lô, tường quét vôi ve, nền láng vữa xi măng, mái lợp phibro, h=3,1m, S=(4,4*3,5m)	50%	m2	15,4	2.525.000	19.443.000
12	Tường xây gạch táp lô nằm không da trát S=(18,5*0,8+13*0,8+10*0,8)	50%	m2	33,2	182.000	3.021.000
13	Cổng sắt hộp kích thước 20*40cm S=(2,4*2,7m)	50%	m2	6,5	1.100.000	3.208.000
14	Trụ cổng làm bằng cột BTCT tiết diện 0,5*0,5, dài 3,5m, 2 cột	50%	md	7,0	1.176.000	4.116.000

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ:

4.584.083.000

Bằng chữ:

Bốn tỷ năm trăm tám mươi bốn triệu không trăm tám mươi ba nghìn đồng

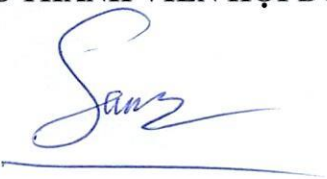
V. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:

.....

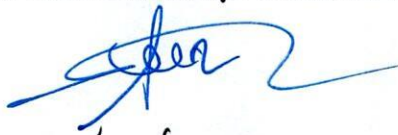
.....

ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP HOÀNG MAI II



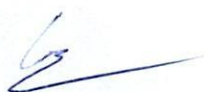
Nguyễn Hoàng Sơn
Chuyên viên
phòng KT, HT & ĐT



Nguyễn Đức Đô
Đại diện Chủ đầu tư



Hoàng Thị Hà
Cán bộ HĐ GPMB



Lê Đăng Hiệp
Chuyên viên phòng KT,
HT & ĐT



Phan Thị Ngọc Thủy
Chuyên viên phòng KT, HT
& ĐT



Nguyễn Trọng Tài
Chuyên viên phòng
KT, HT & ĐT



Hồ Thái Bình
Phó Trưởng phòng
KT, HT & ĐT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC



Nguyễn Thị Mai
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Do thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II

(Hội đồng BT, HT & TĐC thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND phường Hoàng Mai)

Hôm nay, ngày 05 tháng 8 năm 2026.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất thu hồi cho:

Chủ sử dụng: Ông Hồ Văn Hoà (Tài sản trên đất)
và bà Hồ Thị Thanh Vân

Địa chỉ: thôn2 Quỳnh Ngọc, xã Quỳnh Lưu, Nghệ An

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

- | | |
|--------------------------|---|
| 1 Bà: Nguyễn Thị Mai | Phó Chủ tịch UBND phường, Chủ tịch hội đồng; |
| 2 Ông: Hồ Thái Bình | Phó Trưởng phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 3 Ông: Lê Đăng Hiệp | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 4 Bà: Phan Thị Ngọc Thuỳ | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 5 Ông: Nguyễn Trọng Tài | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 6 Ông: Nguyễn Hoàng Sơn | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 7 Ông: Nguyễn Đức Đô | Trưởng phòng GPMB Công ty CP Hoàng Thịnh Đạt, Thành viên; |
| 8 Bà Đậu Thị Thanh Hiền | CB Hội đồng BT, HT&TĐC. |

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 756/UBND -KTHT ngày 07/5/2026 của UBND phường Hoàng Mai về việc áp dụng chính sách hỗ trợ khác giải phóng mặt bằng dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II. Công văn số 4510/UBND-NN ngày 28/4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An. Công văn số 4550/SNNMT-QLĐĐ ngày 22/4/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng và các chế độ chính sách bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất như sau:

I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI: Thửa 115, Tờ BĐ số 10 0

II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

A	Vật kiến trúc				0
---	---------------	--	--	--	---

B	Cây cối, hoa màu							696.730.000
STT	Loại cây	Mật độ (cây/h a)	Diện tích trồng (m2)	Khối lượng	ĐV tính	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1	Cam thu hoạch = 950+200	625	9.220,0	1150				-
-	Cam thu hoạch trong mật độ			576	cây	100%	800.000	460.800.000
-	Cam thu hoạch vượt mật độ 1 lần			574	cây	50%	800.000	229.600.000
2	Bưởi thu hoạch			2	cây	50%	450.000	450.000
-	Bưởi thu hoạch			8	cây	30%	450.000	1.080.000
3	Keo ĐK 10-20 cm			100	cây	30%	100.000	3.000.000
4	Keo ĐK 25 cm			20	cây	30%	300.000	1.800.000
C	Vật nuôi							0

III. TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

TT	Hạng mục	Số tiền (đ)
A	ĐẤT ĐAI	0
B	TÀI SẢN TRÊN ĐẤT	
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	0
2	Cây cối, hoa màu	696.730.000
3	Vật nuôi	0
	Tổng cộng:	696.730.000

IV. PHẦN HỖ TRỢ:

49.110.000

- Hỗ trợ khác đối với tài sản xây dựng trên đất nông nghiệp: 50% mức bồi thường theo giá trị hiện hành (theo Công văn số 756/UBND ngày 07/5/2026 của UBND phường Hoàng Mai) 49.110.000

TT	Tên hạng mục	Hệ số	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
----	--------------	-------	----------------	---------------	---------	----------------

1	Bờ rào thép gai 4 sợi cọc bê tông, khoảng cách cọc 2-3m	50%	md	450	95.000	21.375.000
2	Dây điện a16(2*16mm) (<=6mm)	50%	md	520	36.000	9.360.000
3	Dây điện a25(2*80mm) (>6mm).	50%	md	750	49.000	18.375.000

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ:

745.840.000

Bằng chữ: Bảy trăm bốn mươi lăm triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn.

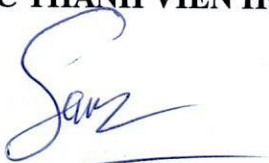
V. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:

.....

.....

ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP HOÀNG MAI II



Nguyễn Hoàng Sơn
Chuyên viên phòng KTHT & ĐT



Nguyễn Đức Ân
Đại diện Chủ đầu tư



Đặng Thị Thanh Hiền
Cán bộ HD GPMB



Lê Đăng Hiệp
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



Phan Thị Ngọc Thuý
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



Nguyễn Trọng Tài
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



Hồ Thái Bình
P. Trưởng phòng KT, HT & ĐT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC



Nguyễn Thị Mai
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Do thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II

(Hội đồng BT, HT & TĐC thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND phường Hoàng Mai)

Hôm nay, ngày 25 tháng 7 năm 2026.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất thu hồi cho:

Chủ sử dụng: Ông Hồ Văn Hoà
và bà Hồ Thị Thanh Vân **Nhân khẩu:** 6

Địa chỉ: thôn Ngọc Đoài xã Quỳnh Lưu, Nghệ An

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

- 1 Bà: Nguyễn Thị Mai Phó Chủ tịch UBND phường, Chủ tịch hội đồng;
2 Ông: Hồ Thái Bình Phó Trưởng phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;
3 Ông: Lê Đăng Hiệp Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;
4 Bà: Phan Thị Ngọc Thuý Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;
5 Ông: Nguyễn Trọng Tài Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;
6 Ông: Nguyễn Hoàng Sơn Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên;
7 Ông: Nguyễn Đức Đô Trưởng phòng GPMB Công ty CP Hoàng Thịnh Đạt, Thành viên;
8 Bà Đậu Thị Thanh Hiền CB Hội đồng BT, HT&TĐC.

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An, Quy định Bảng giá đất các phường, xã trên bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 589/UBND-NN ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 561/SNNMT-KHTC ngày 15/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 37/KTHTĐT ngày 18/01/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hoàng Mai về việc cung cấp phương án giá đất để thực hiện lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ báo cáo số 5799/BC-STC ngày 02/7/2026 của Sở Tài chính về việc báo cáo giá thị trường tháng 6/2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng và các chế độ chính sách bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất như sau:

I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m ²)	Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền (đ)
1	Đất trồng cây hàng năm (HNK) BĐĐC 10, Trích đo số 48/2025	115	9.220,1	73.000	673.067.000
	Cộng:		9.220,1		673.067.000

II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

A	Vật kiến trúc				0
B	Cây cối, hoa màu				0
C	Vật nuôi				0

III. TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

TT	Hạng mục	Số tiền (đ)
A	ĐẤT ĐAI	673.067.000
B	TÀI SẢN TRÊN ĐẤT	
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	0
2	Cây cối, hoa màu	0
3	Vật nuôi	0
	Tổng cộng:	673.067.000

IV. PHẦN HỖ TRỢ:

1.378.535.000

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:

$$9.220,1 \text{ m}^2 \times 73.000 \times 2 = 1.346.135.000$$

2. Hỗ trợ ổn định đời sống (Tỷ lệ thu hồi: 100,00 %)

$$6 \text{ khẩu} \times 12 \text{ tháng} \times 30 \text{ kg} \times 15.000 \text{ đồng} = 32.400.000$$

$$\text{Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: } 2.051.602.000$$

Bằng chữ: Hai tỷ, không trăm năm mươi một triệu, sáu trăm lẻ hai nghìn đồng chẵn.

V. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:

.....
.....

ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP HOÀNG MAI II



Nguyễn Hoàng Sơn
Chuyên viên phòng KTHT &
ĐT



Nguyễn Đức Đô
Đại diện Chủ đầu tư



Đặng Thị Thanh Hiền
Cán bộ HD GPMB



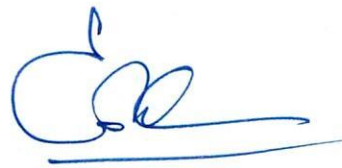
Lê Đăng Hiệp
Chuyên viên phòng KT,
HT & ĐT



Phan Thị Ngọc Thuý
Chuyên viên
phòng KT, HT &
ĐT



Nguyễn Trọng Tài
Chuyên viên phòng
KT, HT & ĐT



Hồ Thái Bình
P. Trưởng phòng
KT, HT & ĐT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC



Nguyễn Thị Mai